

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN

Bản án số: 16/2024/HS-ST

Ngày: 12/12/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hứa Đình Hiền

2. Ông Nông Hữu Thái.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Đức Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2024/HSST, ngày 22 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST - HS ngày 28 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Nông Văn L (tên gọi khác: Không), sinh ngày 21 tháng 02 năm 1995, tại tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 1A, phường Đ, thành phố B, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn C và bà Chu Thị L1; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: 03 (Tại Bản án số 07/2020/HS-ST ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B1, tỉnh B đã xử phạt 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại Bản án số 64/2021/HS-ST ngày 31/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B1, tỉnh B xử phạt 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại Bản án số 22/2022/HS-ST ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B1, tỉnh B xử phạt 14 (Mười bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích); nhân thân: Ngày 02/6/2017, bị Công an thành phố B1, tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.700.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Ngày 05/4/2020, bị Công an thành phố B1, tỉnh B xử phạt hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/9/2024 đến nay. Có mặt.

* **Bị hại:** Bà Đồng Thị Th, sinh năm 1986, nghề nghiệp: Giáo viên; trú tại: Tổ 1A, phường Đ, thành phố B1, tỉnh B. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** 1. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1982; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại tổ 1B, phường Đ, thành phố B1, tỉnh B. Vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1974; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại xóm M, xã D, huyện H, tỉnh C. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 02/8/2024, Nông Văn L đang đứng ở sân nhà mình ở tại tổ 1A, phường Đ, thành phố B1 thì thấy 01 (một) con chó lai Phú Qu của bà Đồng Thị Th là hàng xóm gần nhà L chạy vào sân. Quan sát không thấy có người nên L đã nảy sinh ý định trộm cắp con chó trên. L đã lấy 01 (một) chiếc bao tải dừa màu cam tại hiên nhà mình và đi ra ngoài đường gần cổng nhà mình gọi con chó đến gần rồi ngồi xuống và dùng tay bắt con chó cho vào trong bao tải và buộc miệng bao tải lại để ở sát mép đường. Sau đó L đi vào trong sân nhà mình dắt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11AH – 034.xx ra vị trí để bao tải đựng con chó rồi dựng chân chống phụ và đặt bao tải đựng chó lên xe, sau đó điều khiển xe đi đến quán thịt chó “Vĩnh L2” tại tổ 1B, phường Đ, thành phố B1 để bán chó. Tại đây, Linh gặp bà Nguyễn Thị L2 là chủ quán nói đây là chó của mình mang đi bán thì bà L2 đồng ý mua, sau khi cân được 12kg (ki lô gam), bà L đã trả cho L số tiền là 840.000đ (tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp, L bỏ đi khỏi nơi cư trú và đã tiêu xài vào mục đích cá nhân hết số tiền bán chó nêu trên.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản cùng ngày bà Đồng Thị Th đã đến Công an trình báo sự việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 120/KL-HĐĐGTSTXTTTHS ngày 10/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố B2 kết luận:

“01 (một) con chó, giống chó lai Phú Qu, loại chó thịt có trọng lượng 12 kg, giá trị tài sản là 840.000đ (Tám trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn).

Tại bản cáo trạng số 81/CT-VKSTP ngày 21/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Nông Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

...

b) Đã bị kết án về tội này ... chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

* Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nông Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nông Văn L từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giam ngày 30/9/2024

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nông Văn L phải bồi thường cho bà Đồng Thị Th số tiền 840.000đ (Tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo phong cộc tay màu đỏ, áo cũ đã qua sử dụng; 01 (một) quần vải dài màu xám, quần cũ đã qua sử dụng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội và xin hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 02/8/2024, tại tổ 1A, phường Đ, thành phố B, Nông Văn L đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 01 (một) con chó lai Phú Quốc có giá trị 840.000đ (Tám trăm bốn mươi nghìn đồng) là tài sản thuộc sở hữu của bà Đồng Thị Th, sau đó mang bán cho bà Nguyễn Thị L2 được số tiền là 840.000đ (Tám trăm bốn mươi nghìn đồng) rồi tiêu xài cá nhân hết.

Tuy giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là dưới 2.000.000 đồng nhưng trước thời điểm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên bị cáo đã bị kết án về tội

“Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên hành vi chiếm đoạt tài sản lần này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội gây thiệt hại không lớn, có ông bà nội được tặng Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến và Huy chương kháng chiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có nhân thân xấu, đã 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản và có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản, sau khi chấp hành xong hình phạt không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm, mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên khi xem xét lượng hình cần phải có một hình phạt thỏa đáng tương ứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung "Phạt tiền" đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại bà Đồng Thị Th vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản đã bị trộm cắp là 840.000đ (Tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Bị cáo nhất trí bồi thường. Do vậy, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 840.000đ (tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

* Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE A, biển kiểm soát 11AH – 034.01. Quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc sở hữu của bà Hoàng Thị H. Việc bị cáo sử dụng chiếc xe vào việc phạm tội bà H không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho bà H là đúng quy định, bà H không có ý kiến, đề nghị gì.

Đối với 01 (một) con chó lai Phú Qu mà Nông Văn L trộm cắp và bán, do bà Nguyễn Thị L2 đã làm thịt và bán hết; số tiền 840.000đ (Tám trăm bốn mươi nghìn đồng) Nông Văn L bán tài sản trộm cắp, do L đã chi tiêu cá nhân hết và 01 (một) bao tải dưa màu cam Nông Văn L sử dụng để đựng chó mang đi bán, do L đã vứt tại nhà bà L2 và bà L2 đã thu dọn và đốt nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với 01 (một) áo phong cộc tay màu đỏ, áo cũ đã qua sử dụng; 01 (một) quần vải dài màu xám, quần cũ đã qua sử dụng. Là tài sản của bị cáo mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp. Bị cáo có ý kiến không xin lại. Là vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

* Đối với bà Nguyễn Thị L2 là người đã mua tài sản bị cáo trộm cắp của bị hại, qua điều tra xác định bà Liên không biết là tài sản do bị cáo trộm cắp rồi mang đi bán nên không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Nông Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nông Văn L 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giam ngày 30/9/2024

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nông Văn L phải bồi thường cho bà Đồng Thị Th số tiền 840.000đ (Tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo phong cộc tay màu đỏ, áo cũ đã qua sử dụng; 01 (một) quần vải dài màu xám, quần cũ đã qua sử dụng.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận giữa Công an thành phố Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Văn L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh ;
- VKSND thành phố;
- Cơ quan **CSDT** Công an thành phố;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Dương